

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-BKHCN ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ,

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 118/TTr-SKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định sau:

- Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước về lĩnh vực thông tin và truyền thông thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước về lĩnh vực chuyển đổi số quốc gia và Chính phủ số thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC -VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Nhàn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	cơ quan giải quyết	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (04)				
1.	Thành lập sàn giao dịch công nghệ vùng	45 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN. - Thông tư số 16/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.
2.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động KH&CN cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân tỉnh	Không	- Luật giám định tư pháp năm 2012. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp năm 2020. - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp. - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	cơ quan giải quyết	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp. - Thông tư số 03/2022/TT-BKH&CN ngày 20/4/2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về giám định tư pháp trong hoạt động KH&CN.
3.	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong hoạt động KH&CN cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân tỉnh	Không	- Luật giám định tư pháp năm 2012. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp năm 2020. - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp. - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp. - Thông tư số 03/2022/TT-BKH&CN ngày 20/4/2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về giám định tư pháp trong hoạt động KH&CN.
4.	Thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây	- Trường hợp không thông qua tổ chức giám định được chỉ định: 65 ngày;	Sở Khoa học và Công nghệ	Không	- Luật Đầu tư năm 2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	cơ quan giải quyết	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chuyên công nghệ trong dự án đầu tư	- Trường hợp phải thực hiện giám định thông qua tổ chức giám định được chỉ định: 110 ngày;			thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 33/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong dự án đầu tư.
II Lĩnh vực Chuyển đổi số quốc gia và Chính phủ số (06)					
5.	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B	15 ngày kể từ ngày đơn vị thẩm định thiết kế nhận đủ hồ sơ hợp lệ	a) Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công: Sở Khoa học và Công nghệ. b) Trường hợp dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên: - Sở Khoa học và Công nghệ đối với dự án do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư; - Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc cấp có thẩm	Thực hiện theo pháp luật phí, lệ phí.	- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. - Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	cơ quan giải quyết	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			quyền quyết định đầu tư		
6.	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước), thiết kế chi tiết (trường hợp thiết kế 1 bước) dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm C	10 ngày kể từ ngày đơn vị thẩm định thiết kế nhận đủ hồ sơ hợp lệ	a) Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công: Sở Khoa học và Công nghệ. b) Trường hợp dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên: - Sở Khoa học và Công nghệ đối với dự án do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư; - Đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với dự án không do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư	Thực hiện theo pháp luật phí, lệ phí.	- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. - Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	cơ quan giải quyết	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7.	Thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin	Không quá 30 ngày kể từ ngày đơn vị đầu mối thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.	Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan, đơn vị chuyên môn quản lý về tài chính, ngân sách nhà nước thuộc cấp có thẩm quyền thực hiện thẩm định kế hoạch thuê (gọi chung là đơn vị đầu mối thẩm định)	Thực hiện theo pháp luật phí, lệ phí.	- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. - Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
8.	Yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo hình thức mặc định.	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.	Cơ quan cung cấp dữ liệu	Không	Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	cơ quan giải quyết	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9.	Yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù.	Không quy định	Cơ quan cung cấp dữ liệu	Không	Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
10.	Giải quyết vướng mắc về kết nối, chia sẻ dữ liệu.	07 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu giải quyết.	- Cơ quan cung cấp dữ liệu - Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
III	Lĩnh vực Viễn thông-internet (02)				
11.	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trạm y tế xã và điểm cung cấp dịch vụ Internet băng rộng cho cộng đồng dân cư phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số.	- Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận được danh sách theo báo cáo của doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện rà soát, xác nhận. - Thời gian Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam thực hiện công bố danh sách các đơn vị, điểm cung cấp dịch vụ Internet băng rộng cho cộng đồng dân cư đã được nhận hỗ trợ: Không quy định.	- Sở Khoa học và Công nghệ - Doanh nghiệp Viễn thông - Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam	Không	Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	cơ quan giải quyết	Phí/ lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
12.	Phân bổ điện thoại thông minh.	Không quy định	- Bộ Khoa học và Công nghệ; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; - Doanh nghiệp viễn thông.	Không	Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ (Đính kèm file chi tiết từng TTHC)